

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 07 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus – Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Ngày kiểm tra: 26/10/2025
Phòng kiểm tra: B1.PT01	CBCKTr1: Ký tên:.....
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)	CBCKTr2: Ký tên:.....
Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.07.001	211A031001	Nguyễn Thị Thiên	Ái	29/09/2003	Đồng Nai		
2	VHU.TAB1.07.002	221A300336	Nguyễn Thái	An	24/04/2004	An Giang		
3	VHU.TAB1.07.003	201A070152	Đỗ Đình Tuấn	Anh	13/01/2002	Tây Ninh		
4	VHU.TAB1.07.004	211A230219	Nguyễn Hoàng	Anh	24/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.07.005	211A210012	Tô Nguyễn Kiều	Anh	02/01/2003	Khánh Hoà		
6	VHU.TAB1.07.006	221A040154	Hoàng Ngọc Kim	Anh	26/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.07.007	191A070124	Dương Quốc	Anh	02/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.07.008	211A040114	Nguyễn Thị Minh	Anh	17/03/2002	Cà Mau		
9	VHU.TAB1.07.009	211A300043	Nguyễn Thị Minh	Ánh	19/10/2003	Đắk Lắk		
10	VHU.TAB1.07.010	211A080282	Phạm Nguyên Thái	Bảo	18/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.07.011		Võ Văn	Bảo	08/08/1980	Quảng Ngãi		
12	VHU.TAB1.07.012	221A370235	Ngô Đình	Chánh	17/01/2004	Gia Lai		
13	VHU.TAB1.07.013	211A031345	Ngô Thị Mỹ	Châu	04/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.07.014	221A371045	Dương Thị Ngọc	Châu	06/01/2004	Tây Ninh		
15	VHU.TAB1.07.015		Trần Thị Quỳnh	Chi	28/09/1989	Hà Tĩnh		
16	VHU.TAB1.07.016	221A040175	Trần Thị	Chinh	21/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.07.017	221A031221	Lưu Thị	Chúc	15/01/2004	Đắk Lắk		
18	VHU.TAB1.07.018	241A180006	Phan Lê Thành	Danh	06/03/2004	Khánh Hoà		
19	VHU.TAB1.07.019	211A230100	Phạm Thị Huỳnh	Dao	28/10/2003	An Giang		
20	VHU.TAB1.07.020	221A230471	Ngô Tuấn	Đạt	10/11/2004	Vĩnh Long		
21	VHU.TAB1.07.021	221A030025	Phùng Tiến	Đạt	24/06/2004	Đồng Nai		
22	VHU.TAB1.07.022	191A070163	Phạm Thị Mỹ	Diệu	12/11/2001	Đồng Nai		
23	VHU.TAB1.07.023	181A030660	Đàm Quang	Đông	09/08/2000	Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.07.024	221A090014	Nguyễn Trung	Đức	10/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.07.025	191A190001	Hoàng Huy	Đức	04/03/1997	Thành Phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.07.026	201A070133	Đỗ Thuỳ	Dương	15/06/2002	An Giang		
27	VHU.TAB1.07.027	211A070074	Nguyễn Trần Quang	Duy	12/03/2003	Thành phố Đà Nẵng		
28	VHU.TAB1.07.028	211A080021	Hà Thanh	Giang	11/07/2002	An Giang		
29	VHU.TAB1.07.029	221A040159	Nguyễn Ngọc Phước	Giàu	20/12/2004	Đồng Tháp		
30	VHU.TAB1.07.030	211A320004	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	17/09/2003	Đồng Tháp		
31	VHU.TAB1.07.031	221A031240	Lê Thái Bích	Hà	13/04/2004	Đồng Nai		
32	VHU.TAB1.07.032	211A080155	Huỳnh Ngọc	Hân	29/11/2003	Vĩnh Long		
33	VHU.TAB1.07.033	211A210066	Nguyễn Thị	Hằng	02/02/2003	Đồng Tháp		
34	VHU.TAB1.07.034		Nguyễn Ngọc Diễm	Hằng	25/03/1994	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.07.035	201A010206	Lê Nhật	Hào	06/08/2002	Thành phố Thanh Hoá		
36	VHU.TAB1.07.036	221A370334	Phùng Thị Lệ	Hiền	14/09/2004	Đắk Lắk		
37	VHU.TAB1.07.037	211A100088	Quảng Thúy	Hiền	02/11/2003	Quảng Ngãi		
38	VHU.TAB1.07.038	221A270019	Phạm Trung	Hiếu	22/02/2004	Cà Mau		
39	VHU.TAB1.07.039	211A310013	Nguyễn Trần Trung	Hiếu	19/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.07.040	181A010184	Trần Nguyễn Trung	Hiếu	29/10/2000	Đắk Lắk		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 07 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus – Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Ngày kiểm tra: 26/10/2025
Phòng kiểm tra: B1.PT02	CBCKTr1: Ký tên:.....
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)	CBCKTr2: Ký tên:.....
Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.07.041	211A080036	Trần Thị Minh	Huê	16/03/2003	Đồng Nai		
2	VHU.TAB1.07.042	231A270018	Nguyễn Phi	Hùng	10/05/2005	Biên Hoà Đồng Nai		
3	VHU.TAB1.07.043	211A010160	Lưu Tấn	Hưng	29/06/2003	Đắk Lắk		
4	VHU.TAB1.07.044	221A370488	Trần Nhật	Hưng	04/11/2004	Thành phố Cần Thơ		
5	VHU.TAB1.07.045	211A150134	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Hương	26/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.07.046	221A270055	Đặng Mai	Hương	08/09/2004	Gia Lai		
7	VHU.TAB1.07.047	221A030512	Huỳnh Thị Ngọc	Hường	17/05/2004	Lâm Đồng		
8	VHU.TAB1.07.048		Nguyễn Thạc Thương	Huyền	14/11/1996	Ukraine		
9	VHU.TAB1.07.049	221A030981	Trần Thị	Huyền	20/11/2004	Lâm Đồng		
10	VHU.TAB1.07.050	221A080301	Nguyễn Đức	Khang	17/05/2002	Đồng Tháp		
11	VHU.TAB1.07.051	201A030653	Kiều Chí	Khanh	24/11/2002	Cà Mau		
12	VHU.TAB1.07.052	201A030082	Trần Tiến	Khoa	22/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.07.053	221A030951	Phan Gia	Kiệt	17/07/2004	Thành phố Cần Thơ		
14	VHU.TAB1.07.054	211A010032	Nguyễn Phong	Kiệt	02/03/2003	Lâm Đồng		
15	VHU.TAB1.07.055	221A270080	Phùng Thị Lệ	Kim	08/12/2001	Đắk Lắk		
16	VHU.TAB1.07.056	221A030825	Kỹ Mỹ	Lan	18/12/2004	Vĩnh Long		
17	VHU.TAB1.07.057	211A031101	Lê Thị	Lành	07/10/2003	Đắk Lắk		
18	VHU.TAB1.07.058	201A070139	Thái Hà Kiều	Liên	05/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.07.059	221A320289	Phan Thị Bích	Liên	01/01/2004	Khánh hoà		
20	VHU.TAB1.07.060	211A070153	Phạm Trần Ngọc	Liên	25/03/2003	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.07.061		Hoàng Hoài	Linh	19/04/1987	Thành phố Hải Phòng		
22	VHU.TAB1.07.062	221A080376	Lê Thị Diệu	Linh	23/06/2003	Thanh Hoá		
23	VHU.TAB1.07.063	211A030488	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	31/10/2003	Đồng Tháp		
24	VHU.TAB1.07.064	211A210031	Trần Thị Hồng	Linh	24/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.07.065	221A370402	Bùi Thị	Lộc	26/05/2004	Lâm Đồng		
26	VHU.TAB1.07.066	211A230113	Nguyễn Thị	Lộc	06/11/2003	Quảng Ngãi		
27	VHU.TAB1.07.067	221A230009	Nguyễn Gia Bảo	Luân	17/02/2004	Đồng Nai		
28	VHU.TAB1.07.068	191A010042	Trần Đức	Luận	10/07/2001	Khánh Hoà		
29	VHU.TAB1.07.069	221A210084	Đào Mai Khánh	Ly	04/01/2004	Khánh Hoà		
30	VHU.TAB1.07.070	201A030720	Ro	Ly	01/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 07 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus – Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 26/10/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT03

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.07.071	211A030279	Trần Sa	Ly	28/10/2003	Lâm Đồng		
2	VHU.TAB1.07.072	211A040021	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	16/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.07.073	221A050246	Nguyễn Hoàng Hải	Mi	06/04/2004	Đồng Tháp		
4	VHU.TAB1.07.074	211A030989	Mai Thị Trâm	Mi	15/12/2003	Tây Ninh		
5	VHU.TAB1.07.075	221A370814	Nguyễn Thị Kiều	Mi	19/07/2004	Đồng Tháp		
6	VHU.TAB1.07.076	221A030507	Võ Nhật	Minh	20/05/2004	Cà Mau		
7	VHU.TAB1.07.077	211A010402	Phạm Thành	Muôn	05/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.07.078	221A320191	Trương Kiều	My	01/09/2004	Quảng Ngãi		
9	VHU.TAB1.07.079	221A040563	Nguyễn Thị Kiều	My	20/08/2004	Đồng Tháp		
10	VHU.TAB1.07.080	231A010391	Nguyễn Thị Trà	My	11/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.07.081	221A210605	Lê Trà	My	08/04/2004	Gia Lai		
12	VHU.TAB1.07.082	221A030748	Nguyễn Thị Trúc	My	12/06/2004	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.07.083	241A010137	Trần Hoàng	Nam	03/10/2006	An Giang		
14	VHU.TAB1.07.084	191A030215	Nguyễn Thị Phương	Nam	26/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.07.085		Tăng Thị	Ngà	09/10/1982	Gia Lai		
16	VHU.TAB1.07.086	181A030011	Trương Tuyết	Ngân	10/12/1999	Thành phố Cần Thơ		
17	VHU.TAB1.07.087	221A300441	Hứa Thu	Ngân	19/11/2004	An Giang		
18	VHU.TAB1.07.088	221A070105	Lê Thị Hồng	Ngọc	30/07/2004	Đồng Tháp		
19	VHU.TAB1.07.089	221A370324	Võ Nguyễn Ánh	Ngọc	10/10/2004	Lâm Đồng		
20	VHU.TAB1.07.090	221A370687	Phạm Bích	Ngọc	26/01/2004	An Giang		
21	VHU.TAB1.07.091	211A031053	Trần La Kim	Ngọc	21/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.07.092	221A170848	Nguyễn Thị Lê	Nguyên	21/12/2004	Lâm Đồng		
23	VHU.TAB1.07.093	221A050201	Phạm Thanh	Nhã	05/02/2004	Thành phố Cà Mau		
24	VHU.TAB1.07.094	221A300346	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	11/04/2004	Đắk Lắk		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.07.095		Phan Lê	Nhân	29/11/1992	Đồng Tháp		
26	VHU.TAB1.07.096	201A050089	Huỳnh Minh	Nhật	13/06/2002	Tây Ninh		
27	VHU.TAB1.07.097	201A030052	Nguyễn Yến	Nhi	21/11/2002	Thành phố Cần Thơ		
28	VHU.TAB1.07.098	211A030788	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi	17/02/2003	Tây Ninh		
29	VHU.TAB1.07.099	201A070121	Trần Phạm Uyên	Nhi	22/11/2002	An Giang		
30	VHU.TAB1.07.100	211A031405	Lê Kiều Yến	Nhi	20/01/2003	Thành phố Đà Nẵng		
31	VHU.TAB1.07.101	211A030583	Phan Nhật Tuyết	Nhi	07/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.07.102	221A320190	Phan Tuệ	Như	28/01/2004	Đồng Tháp		
33	VHU.TAB1.07.103	211A030173	Văn Võ Quỳnh	Như	04/08/2003	Đồng Tháp		
34	VHU.TAB1.07.104	211A110059	Trần Thị Tuyết	Nhung	26/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.07.105	231A011050	Vương Hồng	Nhung	08/08/2005	Gia Lai		
36	VHU.TAB1.07.106	221A031330	Phạm Thị Ngọc	Oanh	04/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.07.107	211A030966	Nguyễn Phương	Oanh	22/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.07.108	221A030666	Phùng Thị Kiều	Oanh	09/10/2004	Đồng Tháp		
39	VHU.TAB1.07.109	211A230052	Đào Tấn	Phát	27/04/2003	Tây Ninh		
40	VHU.TAB1.07.110	221A030919	Nguyễn Ngọc Hương	Phi	05/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 07 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus – Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Ngày kiểm tra: 26/10/2025
Phòng kiểm tra: B1.PT04	CBCKTr1: Ký tên:.....
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)	CBCKTr2: Ký tên:.....
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.07.111	211A180007	Nguyễn Trường	Phúc	30/03/2003	Tây Ninh		
2	VHU.TAB1.07.112	221A270107	Nguyễn Mỹ	Phụng	24/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.07.113	211A030171	Nguyễn Hoàng Kim	Phụng	23/11/2003	Vĩnh Long		
4	VHU.TAB1.07.114	191A070132	Đặng Hữu	Phước	26/01/2001	Thành Phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.07.115	221A210572	Ngô Đình Nam	Phương	05/12/2004	Lâm Đồng		
6	VHU.TAB1.07.116	221A270004	Trần Thị Bích	Phượng	20/06/2004	Đồng Tháp		
7	VHU.TAB1.07.117	211A010197	Lê Phước	Quang	27/10/2003	Đồng Tháp		
8	VHU.TAB1.07.118	221A140284	Phan Thị Kim	Quyên	13/06/2004	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.07.119	221A031086	Nguyễn Thị	Quyên	28/10/2004	Tây Ninh		
10	VHU.TAB1.07.120	221A270011	Huỳnh Thị Thúy	Quyên	21/07/2004	Đồng Tháp		
11	VHU.TAB1.07.121	211A080198	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	25/06/2003	Đồng Nai		
12	VHU.TAB1.07.122	221A320002	Hàng Lê Lâm	Quyên	07/05/2003	Lâm Đồng		
13	VHU.TAB1.07.123	211A040105	Nguyễn Đặng Mỹ	Quyên	07/02/2003	Đồng Tháp		
14	VHU.TAB1.07.124	221A080030	Bùi Thị Như	Quỳnh	10/05/2004	Đắk Lắk		
15	VHU.TAB1.07.125	211A330017	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/12/2003	Lâm Đồng		
16	VHU.TAB1.07.126	221A371186	Đậu Thị Như	Quỳnh	09/09/2004	Lâm Đồng		
17	VHU.TAB1.07.127	211A210248	Lê Thanh	Sang	16/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.07.128	211A030455	Huỳnh Tiến Giàu	Sang	01/11/2001	Tây Ninh		
19	VHU.TAB1.07.129		Lê Thành Khánh	Sơn	17/09/1974	An Giang		
20	VHU.TAB1.07.130	221A050304	Nguyễn Hồng	Sương	20/06/2004	Khánh Hòa		
21	VHU.TAB1.07.131		Nguyễn Thị Đức	Tài	13/05/1978	Gia Lai		
22	VHU.TAB1.07.132	211A070166	Nguyễn Ngọc	Tài	18/03/2003	Đắk Lắk		
23	VHU.TAB1.07.133	211A010028	Đặng Thành	Tài	29/06/2002	Vĩnh Long		
24	VHU.TAB1.07.134	211A210011	Phạm Dương Thành	Tâm	22/03/2003	Vĩnh long		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.07.135	201A030149	Lê Đồng	Tấn	05/08/2001	Đắk Lắk		
26	VHU.TAB1.07.136	221A030510	Ngô Quốc	Thái	29/10/2004	Đồng Tháp		
27	VHU.TAB1.07.137	221A040225	Lê Thị Hồng	Thắm	07/02/2004	Đồng Tháp		
28	VHU.TAB1.07.138	221A320339	Lê Thị Hồng	Thắm	14/10/2004	Lâm Đồng		
29	VHU.TAB1.07.139	221A030818	Đoàn Trần Nhật	Thắng	27/01/2004	Vĩnh Long		
30	VHU.TAB1.07.140		Huỳnh Nguyễn Ngọc	Thành	21/12/1992	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 07 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus – Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Ngày kiểm tra: 26/10/2025
Phòng kiểm tra: B1.PT05	CBCKTr1: Ký tên:.....
Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)	CBCKTr2: Ký tên:.....
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.07.141	221A030674	Nguyễn Ngọc Như	Thành	19/05/2004	Tây Ninh		
2	VHU.TAB1.07.142	191A070172	Dương Phú	Thành	19/04/2001	Thái Nguyên		
3	VHU.TAB1.07.143	231A300600	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	17/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.07.144	201A040007	Trương Thị Thanh	Thảo	01/12/2002	Vĩnh Long		
5	VHU.TAB1.07.145	211A230108	Nguyễn Thị Yến	Thảo	16/01/2003	Đồng Tháp		
6	VHU.TAB1.07.146	211A080215	Thạch Thị Minh	Thi	03/03/2003	Lâm Đồng		
7	VHU.TAB1.07.147	211A030692	Nguyễn Thanh	Thiên	11/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.07.148	211A030237	Đặng Phúc	Thiện	08/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.07.149	221A030465	Lê Xuân	Thịnh	28/11/2004	Đồng Tháp		
10	VHU.TAB1.07.150	221A100196	Nguyễn Quốc	Thống	26/06/2004	Thành phố Đà Nẵng		
11	VHU.TAB1.07.151	211A230031	Phan Thị Lệ	Thu	19/02/2003	An Giang		
12	VHU.TAB1.07.152	221A320219	Lê Thị Minh	Thư	03/04/2004	Vĩnh Long		
13	VHU.TAB1.07.153	221A050236	Nguyễn Thị Minh	Thư	10/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.07.154	211A320104	Bùi Thị Anh	Thư	10/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.07.155	221A270026	Lý Khánh Anh	Thư	09/09/2004	Đồng Tháp		
16	VHU.TAB1.07.156	221A040564	Huỳnh Thị Ái	Thư	26/09/2004	Vĩnh Long		
17	VHU.TAB1.07.157	221A030246	Hồ Thị Thanh	Thư	02/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.07.158	201A030658	Hồ Trần Thiên	Thuận	17/10/2002	Thành Phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.07.159	221A030911	Tạ Hiền	Thục	22/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.07.160	221A010085	Huỳnh Lê Văn	Thức	16/08/2004	Quảng Ngãi		
21	VHU.TAB1.07.161	211A290029	Nguyễn Cao	Thượng	12/03/2003	Tây Ninh		
22	VHU.TAB1.07.162	201A030030	Lê Thị Hồng	Thúy	08/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.07.163	221A030626	Nguyễn Thị Diệp	Thúy	05/06/2004	Gia Lai		
24	VHU.TAB1.07.164	211A040061	Nguyễn Phạm Anh	Thúy	26/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.07.165	211A050223	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	15/04/2003	Đồng Tháp		
26	VHU.TAB1.07.166		Phạm Hữu	Tình	03/07/1993	Thành phố Cần Thơ		
27	VHU.TAB1.07.167	211A040066	Đặng Thị Bích	Trâm	22/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.07.168	211A040053	Nguyễn Thị Huyền	Trân	23/02/2003	An Giang		
29	VHU.TAB1.07.169	221A040034	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.07.170	221A030927	Trần Kiều	Trang	23/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 07 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus – Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 26/10/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT06

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.07.171	211A040102	Huỳnh Ngọc Thiên	Trang	20/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.07.172	221A370225	Nguyễn Lê	Trí	15/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.07.173	211A010186	Tăng Ngọc	Triều	25/07/2003	Đắk Lắk		
4	VHU.TAB1.07.174	221A040048	Trần Ngọc Thảo	Trình	24/05/2004	An Giang		
5	VHU.TAB1.07.175	221A050140	Nguyễn Kim	Trúc	15/01/2004	Đắk Lắk		
6	VHU.TAB1.07.176	231A360197	Nguyễn Văn Hoàng	Trung	01/03/2005	Lâm Đồng		
7	VHU.TAB1.07.177	221A050186	Phan Thành	Trung	20/07/2004	Đồng Tháp		
8	VHU.TAB1.07.178	201A010101	Trương Chí	Trung	14/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.07.179	201A010053	Nguyễn Đức	Tuấn	09/06/2002	Khánh Hòa		
10	VHU.TAB1.07.180	191A030028	Lê Thanh	Tùng	07/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.07.181	231A070071	Trương Nhân	Tùng	06/09/2005	Lâm Đồng		
12	VHU.TAB1.07.182	221A370457	Hồ Ngọc Kim	Tuyền	23/03/2004	Gia Lai		
13	VHU.TAB1.07.183	201A080063	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/10/2002	Thanh Hoá		
14	VHU.TAB1.07.184	211A310011	Vũ Phương	Uyên	28/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.07.185	221A270059	Lê Thảo	Uyên	06/11/2003	Đồng Tháp		
16	VHU.TAB1.07.186		Võ Thị Hồng	Vân	28/04/1982	Ninh Bình		
17	VHU.TAB1.07.187	201A080162	Nguyễn Thị Trúc	Vân	17/02/2001	Đồng Nai		
18	VHU.TAB1.07.188	221A370976	Đặng Thị Hồng	Vân	20/09/2004	Đắk Lắk		
19	VHU.TAB1.07.189	211A030243	Lê Tường	Vi	04/03/2003	Khánh Hoà		
20	VHU.TAB1.07.190	211A010230	Nguyễn Văn	Việt	11/03/2003	Lâm Đồng		
21	VHU.TAB1.07.191	211A290019	Phạm Hữu Quang	Vinh	06/03/2003	Đắk Lắk		
22	VHU.TAB1.07.192	221A070029	Lê Quang	Vinh	26/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.07.193	221A030664	Đinh Phan Thanh	Vinh	09/08/2004	Đồng Tháp		
24	VHU.TAB1.07.194	211A190017	Lê Thị Trường	Vy	26/06/2002	Lâm Đồng		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.07.195	221A040496	Lý Khánh	Vy	13/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.07.196	221A270104	Châu Thị Mỹ Lai	Xuân	27/02/2004	An Giang		
27	VHU.TAB1.07.197		Nguyễn Văn	Xuyến	08/02/1987	Phú Thọ		
28	VHU.TAB1.07.198	221A370832	Phạm Thị Mỹ	Yến	16/09/2004	Đắk Lắk		
29	VHU.TAB1.07.199	201A030554	Dương Mỹ	Yến	15/04/2001	Cà Mau		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết